

Số: 2853 /QĐ-UBND

Thái Nguyên, ngày 08 tháng 9 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Về danh sách các khu vực không được phép chăn nuôi
trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Chăn nuôi ngày 19/11/2018 và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường ngày 11/12/2025;

Căn cứ Nghị quyết số 50/2026/NQ-HĐND ngày 25/6/2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định khu vực không được phép chăn nuôi và chính sách hỗ trợ khi di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 10563/TTr-SNNMT ngày 24/8/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Danh sách các khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên, gồm 189 thôn (xóm), tổ dân phố của 17 đơn vị hành chính cấp xã (có phụ lục chi tiết kèm theo).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan hướng dẫn triển khai; kiểm tra, giám sát việc thực hiện theo quy định.

2. Giao UBND các xã, phường căn cứ quy định tại Điều 3, Điều 4 của Nghị quyết số 50/2026/NQ-HĐND ngày 25/6/2026 của HĐND tỉnh thực hiện:

a) Thống kê, chốt danh sách các cơ sở chăn nuôi thuộc diện phải chấm dứt hoạt động chăn nuôi hoặc di dời ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi tại các thôn (xóm), tổ dân phố để làm căn cứ tổ chức thực hiện hỗ trợ chính sách theo quy định.

b) Tổ chức thực hiện ký cam kết lộ trình chấm dứt hoạt động chăn nuôi đối với các cơ sở chăn nuôi thuộc khu vực không được phép chăn nuôi; xây dựng kế hoạch, phương án di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi trong thời gian quy định (tối đa 36 tháng kể từ ngày Nghị quyết số 50/2026/NQ-HĐND ngày 25/6/2026 có hiệu lực thi hành). Khuyến khích các cơ sở chăn nuôi thực hiện di dời, chấm dứt hoạt động chăn nuôi trong khu vực không được phép chăn nuôi sớm hơn theo lộ trình đã cam kết.

c) Hằng năm xây dựng dự toán kinh phí tổ chức triển khai, thực hiện chính sách hỗ trợ theo quy định.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Môi trường, Tài chính; Chủ tịch UBND các xã, phường: Phan Đình Phùng, Đức Xuân, Bắc Kạn, Quyết Thắng, Quan Triều, Linh Sơn, Bá Xuyên, Tích Lương, Vạn Xuân, Sông Công, Gia Sang, Phổ Yên, Phú Bình, Định Hoá, Đại Phúc, Phú Xuyên, Võ Nhai và các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./. *Tua*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Chi cục CNTY&TS;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, CNN&XD.

Báchdtt, 29/8/2026, QĐ 1



TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Thị Loan



Phụ lục
DANH SÁCH CÁC KHU VỰC KHÔNG ĐƯỢC PHÉP CHĂN NUÔI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THÁI NGUYÊN
(Kèm theo Quyết định số 2853 /QĐ-UBND ngày 08 / 9 /2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

TT	Xã, phường	Khu vực không được phép chăn nuôi
1	Phường Phan Đình Phùng	Tổ dân phố (TDP) 1, TDP 2, TDP 3, TDP 4, TDP 5, TDP 6, TDP 7, TDP 8, TDP 9, TDP 10, TDP 11, TDP 12, TDP 13, TDP 14, TDP 15, TDP 16, TDP 17, TDP 26, TDP 27, TDP 28, TDP 29, TDP 30, TDP 31, TDP 32, TDP 33, TDP 34, TDP 35, TDP 36, TDP 37, TDP 38, TDP 39, TDP 40, TDP 41, TDP 42, TDP 43, TDP 44, TDP 45, TDP 46, TDP 47, TDP 48, TDP 49, TDP 50, TDP 51, TDP 52, TDP 53, TDP 54, TDP 55, TDP 56, TDP 57, TDP 58, TDP 59, TDP 60.
2	Phường Bắc Kạn	Tổ dân phố (TDP) 1, TDP 2, TDP 3, TDP 4, TDP 5, TDP 6, TDP 7, TDP 8, TDP 9, TDP 10, TDP 11.
3	Phường Quyết Thắng	Tổ dân phố (TDP) 1, TDP 2, TDP 4, TDP 5, TDP 6, TDP 7, TDP 8, TDP 9, TDP 12, TDP 13, TDP 14, TDP 15.
4	Phường Quan Triều	Tổ dân phố (TDP) 1, TDP 2, TDP 3, TDP 4, TDP 5, TDP 6, TDP 9, TDP 10, TDP 11, TDP 12, TDP 13, TDP 15, TDP 16, TDP 18, TDP 19.
5	Phường Linh Sơn	Tổ dân phố (TDP) 6, TDP 8, TDP 9, TDP 10, TDP 11, TDP 12, TDP 14, TDP 17.
6	Phường Đức Xuân	Tổ dân phố (TDP) 3, TDP 4, TDP 6, TDP 7, TDP 8, TDP 9, TDP 10, TDP 11, TDP 13.
7	Phường Bá Xuyên	Tổ dân phố (TDP) 1, TDP 2, TDP 3, TDP 4, TDP 5, TDP 8, TDP 9.
8	Phường Tích Lương	Tổ dân phố (TDP) 1, TDP 9, TDP 20, TDP 21.

TT	Xã, phường	Khu vực không được phép chăn nuôi
9	Phường Vạn Xuân	Tổ dân phố (TDP) Trường Thịnh, TDP Thông Hạc, TDP An Thái, TDP Thanh Xuân Bắc, TDP Thanh Quang, TDP Đại Kim, TDP Thù Lâm.
10	Phường Sông Công	Tổ dân phố (TDP) 1 Thắng Lợi, TDP 2 Thắng Lợi, TDP 3 Thắng Lợi, TDP 4 Thắng Lợi, TDP 6 Thắng Lợi, TDP 7 Thắng Lợi, TDP 12 Phố Cò, TDP 14 Phố Cò.
11	Phường Gia Sàng	Tổ dân phố (TDP) 1, TDP 2, TDP 3, TDP 5, TDP 6, TDP 7, TDP 9, TDP 10, TDP 11, TDP 12, TDP 13, TDP Cam Giá 1, TDP Cam Giá 2, TDP Cam Giá 3, TDP Cam Giá 7, TDP Cam Giá 9, TDP Hương Sơn 1, TDP Hương Sơn 2, TDP Hương Sơn 3, TDP Hương Sơn 5, TDP Hương Sơn 7, TDP Hương Sơn 8, TDP Hương Sơn 9.
12	Phường Phở Yên	Tổ dân phố (TDP) Ba Hàng, TDP Ba Hàng 1, TDP Đại Cát, TDP Bãi Bông, TDP Cống Thượng.
13	Xã Phú Bình	Xóm Úc Sơn, xóm Hòa Bình, xóm Đình Cả, xóm La Sơn, xóm Nguyễn Sơn, xóm Tân Sơn, xóm Phương Độ 1, xóm Phương Độ 2, xóm Xuân La, xóm Hồng Kỳ 1, xóm Hồng Kỳ 2, xóm Ngọc Long 1, xóm Thanh Bình, xóm Trại, xóm Sông Cầu, xóm Hợp Thành 1, xóm Hợp Thành 2.
14	Xã Đại Phúc	Xóm Hùng Sơn, xóm Sơn Tập, xóm Bàn Cờ, xóm Cầu Thông, xóm Đồng Cả, xóm Cầu Thành, xóm Trung Hòa, xóm Đình.
15	Xã Định Hoá	Xóm Trung Tâm.
16	Xã Phú Xuyên	Xóm Yên Lãng.
17	Xã Võ Nhai	Xóm Hưng Long.